

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Thị Thanh Loan

BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC QUYẾT ĐỊNH Ở GIA ĐÌNH
NHÓM DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI VIỆT NAM
(Nghiên cứu trường hợp dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc
Chăm tại Ninh Thuận)

Chuyên ngành: Xã hội học

Mã số: 9310301.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ XÃ HỘI HỌC

Hà Nội – 2023

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học
Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà

2. TS. Trần Thị Hồng

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Hữu Minh – Viện Nghiên cứu
Gia đình và Giới

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm – Viện
Nghiên cứu Văn hóa

Phản biện 3: PGS.TS. Đoàn Thị Thanh Huyền – Học viện
Phụ nữ Việt Nam

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn – Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Vào hồi 08 giờ 30 ngày 20 tháng 7 năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Bình đẳng giới là yếu tố quan trọng để tạo nên một thế giới mà Tuyên bố Thiên niên kỷ muốn xây dựng: Một thế giới hòa bình, bình đẳng, khoan dung, an toàn, tự do với môi trường trong sạch và mọi cá nhân đều có trách nhiệm, nơi mà phụ nữ và trẻ em được sống cuộc sống tươi đẹp (Unicef, 2006). Báo cáo hạnh phúc thế giới năm 2016 cũng khẳng định bình đẳng giới là một mục tiêu phát triển bền vững hướng đến hạnh phúc toàn diện. Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới 2011 – 2020 và Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới 2021 – 2030, nhấn mạnh bình đẳng giới trong đời sống gia đình là một trong những mục tiêu quan trọng góp phần đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Với tầm quan trọng như vậy, bình đẳng giới được coi là mục tiêu hướng tới của nhiều chính sách cải thiện các điều kiện phát triển cho nam giới và phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái. Và là một trong những yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và toàn xã hội.

Bình đẳng giới giữa nam và nữ ở gia đình không chỉ thể hiện trong việc thực hiện các vai trò mà còn biểu hiện ở quyền của nam và nữ trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của gia đình. Trong gia đình ai là người có quyền quyết định, nam giới hay nữ giới, là một chỉ báo quan trọng của bình đẳng giới trong gia đình và bình đẳng giới trong xã hội nói chung. Bởi lẽ thông qua quyền quyết định của nam và nữ trong các công việc của gia đình cho thấy địa vị, quyền lực của mỗi giới. Nó có ảnh hưởng trực tiếp đến phân công lao động, tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực

trong gia đình, thụ hưởng các phúc lợi gia đình và cảm giác hạnh phúc (hay bất hạnh) của các thành viên trong gia đình.

Nghiên cứu về Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nói chung đã được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay vấn đề bình đẳng giới trong gia đình nhóm dân tộc thiểu số chưa được nghiên cứu nhiều, trong khi đó vấn đề bình đẳng giới trong các cộng đồng dân tộc thiểu số rất cần được quan tâm vì họ đang sống ở những khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hơn các vùng khác. Báo cáo gần đây nhất của Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 đã nhận định, ở những khu vực có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống thường là các địa bàn xa, điều kiện địa lý khó khăn, hạ tầng cơ sở kém phát triển và thuộc diện nghèo, còn phổ biến một số thực hành văn hóa gây bất lợi cho sự phát triển của phụ nữ và trẻ em gái. Vì vậy tình trạng bất bình đẳng giới ở những vùng này thường sâu sắc và tồn tại dai dẳng hơn ở các địa phương khác (Australian Aid, Molisa, UN Women, 2021).

Nhằm có cơ sở khoa học để nhận diện một cách khách quan nhất về một số chiều cạnh thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số, tác giả luận án đã nghiên cứu vấn đề này với hai dân tộc: dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận trong đề tài “**Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số tại Việt Nam** (Nghiên cứu trường hợp dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận)”. Nghiên cứu này tập trung phân tích chi tiết thực trạng bình đẳng giới trong việc ra quyết định với hai nhóm hoạt động chủ yếu tại các hộ gia đình là các hoạt động liên

quan đến lĩnh vực kinh tế và các hoạt động gia đình thường nhật, quan hệ họ hàng, cộng đồng. Các chỉ báo về bình đẳng giới thông qua quyền ra quyết định tại hai nhóm dân tộc này được đo bằng những chỉ báo cụ thể về thực trạng việc ra quyết định với các công việc như làm ăn kinh tế; vay vốn/vay mượn; chi tiêu hàng ngày; chi tiêu lớn (mua bán/xây sửa nhà, đất và mua sắm đồ dùng, trang thiết bị, tài sản đất tiền); việc học của con cái trong gia đình; tổ chức giỗ, tết; ma chay/cưới xin; các quan hệ họ hàng; các quan hệ cộng đồng và các yếu tố ảnh hưởng. Nghiên cứu cũng tập trung phân tích so sánh sự khác biệt về bình đẳng giới trong quyết định các công việc gia đình giữa hai nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn có đặc điểm tổ chức gia đình phụ hệ, và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận, có đặc điểm tổ chức gia đình mẫu hệ, từ đó gợi ra những giải pháp nhằm tăng cường bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận. Trên cơ sở đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm tăng cường bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình hai nhóm dân tộc này.

3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận được thể hiện như thế nào?

Câu hỏi 2: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận?

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận thể hiện mức độ bình đẳng giới cao thông qua tỷ lệ cả nam và nữ cùng quyết định các hoạt động chủ yếu của gia đình chiếm đa số. Tuy nhiên, vẫn tồn tại thực trạng tỷ lệ nam giới là người quyết định cao hơn nữ giới ở một số công việc liên quan đến làm ăn kinh tế, vay/vốn, chi tiêu lớn, quan hệ họ hàng... So với nhóm gia đình dân tộc Dao, các quyết định ở nhóm gia đình dân tộc Chăm bình đẳng giới hơn.

Giả thuyết 2: Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình dân tộc Dao tại Lạng Sơn và dân tộc Chăm tại Ninh Thuận. Trong đó những yếu tố có ảnh hưởng rõ nét là tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, dân tộc và thu nhập của phụ nữ và nam giới.

4. Đối tượng, phạm vi, địa bàn nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc Dao và dân tộc Chăm.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, Luận án tập trung tìm hiểu bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc Chăm tại Ninh Thuận và nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn.

Tài liệu nghiên cứu của luận án được giới hạn trong các nghiên cứu về bình đẳng giới, quyền quyết định trong gia đình của các chuyên ngành xã hội học, văn hóa học, nhân học nhằm

tìm hiểu cơ sở lý luận và thực nghiệm khoa học phục vụ cho quá trình phân tích chủ đề nghiên cứu

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

5.1. Ý nghĩa khoa học

Điểm mới của luận án là đi sâu tìm hiểu và so sánh thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định gia đình giữa hai nhóm dân tộc thiểu số mẫu hệ và nhóm dân tộc thiểu số phụ hệ mà cụ thể là nhóm dân tộc Dao (Lạng Sơn) và dân tộc Chăm (Ninh Thuận).

Chiều cạnh giới trong quyền quyết định các lĩnh vực đời sống gia đình được phân tích không chỉ ở tỷ lệ tham gia mà ở cả quá trình tham gia vào việc ra quyết định của mỗi giới. Điều đó góp phần cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc phân tích về chủ đề bình đẳng giới trong quyền quyết định các vấn đề của gia đình từ tiếp cận xã hội học. Các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần kiểm định các giả thuyết và lý thuyết nghiên cứu

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án nhận diện thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số theo các biến số mang đặc trưng hiện đại hóa, biến số nguồn lực và biến số văn hóa.

Xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực liên quan đời sống gia đình và các quan hệ họ hàng, cộng đồng.

Cung cấp những bằng chứng quan trọng cho việc triển khai những biện pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong gia đình nhóm dân tộc Chăm (Ninh Thuận) và dân tộc Dao (Lạng Sơn) nói riêng.

6. Hạn chế của luận án

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan nghiên cứu về thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình

Việc quyết định trong gia đình đã có sự tham gia của cả hai giới tuy nhiên so với phụ nữ thì nam giới thường có ưu thế hơn. Việc ra quyết định có vẻ như đã bị phân chia theo giới tính truyền thống, phụ nữ đưa ra quyết định liên quan đến các sinh hoạt hàng ngày và nam giới đưa ra các quyết định quan trọng.

Nam giới dân tộc thiểu số mẫu hệ và dân tộc thiểu số phụ hệ đều là người quyết định chính ở các hoạt động sản xuất, vay vốn, chi tiêu lớn, việc học của con cái và hoạt động cộng đồng của gia đình. Trong hoạt động chi tiêu hàng ngày người phụ nữ dân tộc thiểu số mẫu hệ có tiếng nói áp đảo hơn so với nam giới. Trái lại ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số phụ hệ, nam giới lại là người quyết định. Đối với việc chi tiêu lớn phụ nữ dân tộc mẫu hệ được tham gia nhiều hơn so với người phụ nữ dân tộc thiểu số phụ hệ.

1.2. Tổng quan nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình

Các yếu tố ảnh hưởng như vai trò giới, các đặc điểm nhân khẩu học – xã hội cơ bản như tuổi, nơi cư trú hay yếu tố thu nhập, trình độ học vấn,... xuất hiện ở cộng đồng dân tộc, với nhiều sắc độ đậm nhạt và mức độ phổ biến khác nhau tùy theo từng khía cạnh đời sống gia đình, khách thể và địa bàn nghiên cứu.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Bình đẳng giới

Bình đẳng giới được hiểu là nam và nữ trong gia đình dân tộc Dao (Lạng Sơn) và dân tộc Chăm (Ninh Thuận) có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình trong việc tham gia quyết định các công việc của gia đình.

2.1.2. Ra các quyết định trong gia đình

Ra quyết định là việc nam/nữ đưa ra các giải pháp có ảnh hưởng đến gia đình, họ hàng và cộng đồng bao gồm các quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh tế của gia đình và các quyết định liên quan đến lĩnh vực đời sống gia đình, các quan hệ họ hàng, cộng đồng.

Nghiên cứu tìm hiểu việc ra quyết định trong gia đình dựa trên chỉ báo nam, nữ, cả nam và nữ là người quyết định chính các công việc trong gia đình.

2.1.3. Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình

Bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình là nam, nữ được tạo điều kiện và cơ hội để quyết định các hoạt động của gia đình. Qua dữ liệu định lượng và định tính bình đẳng giới trong quyết định ở gia đình được đo thông qua chỉ báo: **Cả nam và nữ là người quyết định chính các công việc của gia đình**

2.1.4. Gia đình nhóm dân tộc thiểu số

Gia đình

Gia đình là một tập thể xã hội có từ hai người trở lên có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, có cùng ngân sách chung để thoả mãn các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống của họ.

Dân tộc thiểu số

“Dân tộc thiểu số” là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Gia đình nhóm dân tộc thiểu số

Nhóm gia đình dân tộc Dao/Chăm là một tập thể xã hội có từ hai người trở lên có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, có cùng ngân sách chung để thoả mãn các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống của họ. Và gia đình dân tộc Dao/Chăm được xác định là gia đình có ít nhất một người, nam giới hoặc phụ nữ là người dân tộc Dao/Chăm.

2.2. Một số cách tiếp cận lý thuyết nghiên cứu

2.2.1. Cách tiếp cận theo lý thuyết hiện đại hóa

Quan điểm của lý thuyết hiện đại hóa cho rằng, nhóm tuổi trẻ, học vấn cao và nghề nghiệp phi nông nghiệp dễ chấp nhận quan hệ bình đẳng trong quyết định các công việc của gia đình.

2.2.2. Cách tiếp cận giới

Trong đó, mô hình ra quyết định giúp nhà nghiên cứu trả lời câu hỏi: Nam và nữ ai có tiếng nói và ai có quyền quyết định những vấn đề quan trọng trong gia đình, cộng đồng và xã hội? Công cụ này giúp nhà nghiên cứu tìm hiểu được quá trình ra quyết định, cơ chế ra quyết định và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của phụ nữ và nam giới.

2.2.3. Cách tiếp cận văn hóa

Nghiên cứu về bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình giữa phụ nữ và nam giới nhóm dân tộc thiểu số cần phải đặt vào trong bối cảnh văn hóa để xem xét và nhận định.

2.3 phương pháp nghiên cứu

Phân tích tài liệu, phân tích số liệu thống kê sẵn có, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC QUYẾT ĐỊNH LIÊN QUAN TỚI LĨNH VỰC KINH TẾ

3.1. Quyết định trong làm ăn kinh tế

3.1.2. Người quyết định chính trong hoạt động làm ăn kinh tế

Việc quyết định làm ăn kinh tế của gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm chủ yếu do cả nam và nữ cùng quyết định Tuy nhiên cũng có những gia đình việc quyết định trong hoạt động này nghiêng hẳn về một giới.

3.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định làm ăn kinh tế

Khả năng bình đẳng giới trong việc ra quyết định làm ăn kinh tế ở gia đình dân tộc Dao thấp hơn so với khả năng này ở nhóm gia đình dân tộc Chăm.

Đã từng tham gia tập huấn về bình đẳng giới làm tăng khả năng này bình đẳng giới trong việc ra quyết định ở gia đình.

3.2. Quyết định trong vay vốn/vay mượn

3.2.1. Người quyết định chính việc vay vốn/vay mượn

Phần lớn nam/nữ dân tộc Dao/dân tộc Chăm khẳng định việc quyết định vay vốn/vay mượn ở gia đình đều do cả nam và nữ

cùng quyết định. So với phụ nữ thì nam giới vẫn là người có tiếng nói quyết định nhiều hơn. Phụ nữ dân tộc Chăm có nhiều cơ hội được tiếp cận với nguồn lực vốn hơn so với phụ nữ dân tộc Dao. Mặc dù trong gia đình dân tộc Chăm, nam giới có tiếng nói quyết định nhiều hơn đối với phụ nữ nhưng chưa thể bằng với nam giới dân tộc Dao

3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định vay vốn/vay mượn

Có một xu hướng rõ ràng rằng khi học vấn của nữ tăng thêm một lớp thì khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay vốn/vay mượn ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm tăng thêm 1,1 lần

Khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay vốn/vay mượn ở những hộ gia đình mà thu nhập của nam và nữ không ngang nhau chỉ bằng 0,4 lần so với khả năng này ở nhóm gia đình mà thu nhập của phụ nữ và nam giới bằng nhau.

Khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay vốn/vay mượn ở những gia đình mà nam giới là người đứng tên giấy tờ sở hữu nhà/đất gia đình chỉ bằng 0,4 lần so với khả năng này ở nhóm gia đình phụ nữ/cả nam và nữ là người đứng tên giấy tờ sở hữu nhà/đất gia đình.

3.3. Quyết định trong hoạt động chi tiêu

3.3.1. Quyết định trong chi tiêu hàng ngày

Ở gia đình dân tộc Dao việc quyết định hoạt động chi tiêu hàng ngày phần lớn (63,1%) do cả nam và nữ là người quyết định. Trái lại, đại đa số (81,3%) các gia đình dân tộc Chăm việc quyết định chi tiêu hàng ngày lại do người phụ nữ đảm nhận. Khoảng 15% nam/nữ dân tộc Chăm khẳng định việc chi tiêu hàng ngày là do cả hai cùng quyết định

3.3.2. Quyết định trong chi tiêu lớn

Mua sắm đồ dùng, trang thiết bị, tài sản đất tiền

Phần lớn nam/nữ dân tộc Dao và dân tộc Chăm khẳng định việc quyết định mua sắm đồ dùng, trang thiết bị, tài sản đất tiền là do cả hai cùng quyết định. Tuy nhiên, so với nữ giới thì nam giới vẫn là người có tiếng nói quan trọng hơn trong hoạt động này.

Mua bán xây/sửa nhà, đất

Nam giới là người có tiếng nói quyết định nhiều hơn phụ nữ trong việc mua bán/xây sửa nhà, đất. Không có bất cứ người phụ nữ dân tộc Dao trong nghiên cứu này là người quyết định chính việc mua bán/xây sửa nhà, đất. Và chỉ 1,3% phụ nữ dân tộc Chăm là người quyết định chính việc mua bán/xây sửa nhà, đất

3.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi tiêu lớn

Không có bằng chứng thống kê để khẳng định các biến số liên quan đến cá nhân, gia đình và cộng đồng có ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định chi tiêu lớn ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm.

CHƯƠNG 4

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC QUYẾT ĐỊNH LIÊN QUAN TỚI LĨNH VỰC ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH, QUAN HỆ HỌ HÀNG VÀ CỘNG ĐỒNG

4.1. Quyết định việc học của con cái trong gia đình

4.1.1 Người quyết định chính việc học của con cái

Nam nữ ở gia đình dân tộc Chăm và dân tộc Dao rất quan tâm đến việc học của con cái vì vậy trong quá trình quyết định việc học của con cái hầu hết đều có sự tham gia bàn bạc của cả nam

và nữ. Với đại đa số nam/nữ dân tộc Dao (81,3%) và dân tộc Chăm (72,8%) chia sẻ rằng quyết định việc học cho con cái đều có sự trao đổi bàn bạc của cả hai.

4.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định việc học của con cái

Khi học vấn của nữ tăng thêm một lớp thì khả năng bình đẳng giới trong quyết định việc học của con cái trong gia đình tăng thêm 1,1 lần.

Có một xu hướng rõ ràng rằng, khi nam giới tăng thêm một tuổi thì khả năng bình đẳng giới trong quyết định việc học của con cái trong gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm giảm đi 0,9 lần. Điều đó có nghĩa là ở các gia đình nam giới trẻ tuổi quyết định việc học của con cái có xu hướng bình đẳng.

4.2. Quyết định việc ma chay, cưới xin

4.2.1. Người quyết định chính việc ma chay/cưới xin

Trên 80% nam/nữ dân tộc Chăm khẳng định việc quyết định các công việc hiếu, hỉ trong gia đình đều do cả nam và nữ cùng quyết định. Và 66,4% nam/nữ dân tộc Dao chia sẻ rằng các quyết định liên quan đến việc ma chay, cưới xin nói chung của gia đình đều có sự bàn bạc và quyết định của cả nam và nữ. Khoảng 30% nam giới là người quyết định chính việc ma chay, cưới xin của gia đình. Và không có bất cứ một người phụ nữ dân tộc Dao nào là người quyết định chính trong các công việc liên quan đến hoạt động ma chay/cưới xin của gia đình.

4.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định tổ chức ma chay, cưới xin

Độ tuổi của nam giới có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định tổ chức ma chay, cưới xin ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm.

Khả năng bình đẳng giới trong quyết định việc tổ chức ma chay, cưới xin ở gia đình nhóm dân tộc Dao chỉ bằng 20% so với khả năng này ở gia đình nhóm dân tộc Chăm.

4.3. Quyết định tổ chức giỗ, tết

4.3.1. Người quyết định chính việc giỗ, tết

Phần lớn nam/nữ dân tộc Chăm và dân tộc Dao tham gia cuộc nghiên cứu này khẳng định việc quyết định tổ chức giỗ tết là do cả nam và nữ cùng quyết định. Nam giới dân tộc Dao có nhiều khả năng là người quyết định chính việc tổ chức giỗ, tết hơn phụ nữ dân tộc Dao, Ở nhóm dân tộc Chăm, tỉ lệ phụ nữ là người quyết định chính việc tổ chức giỗ, tết của gia đình cao hơn đáng kể so với tỉ lệ nam giới

4.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định tổ chức giỗ, tết

Sự ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến cá nhân, gia đình và cộng đồng đến bình đẳng giới trong quyết định tổ chức giỗ/tết của gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm là không đáng kể.

4.4. Quyết định các quan hệ họ hàng và cộng đồng

4.4.1. Người quyết định chính các quan hệ họ hàng và cộng đồng

Trên 70% phụ nữ/nam giới dân tộc Chăm và dân tộc Dao khẳng định việc quyết định các quan hệ cộng đồng (đối ngoại) và

quan hệ họ hàng (đôi nội) ở gia đình họ là bình đẳng. So với phụ nữ thì nam giới thường là người có tiếng nói quyết định đối với quan hệ đôi nội và đôi ngoại hơn.

4.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ họ hàng và quan hệ cộng đồng

Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ họ hàng

Khả năng bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ họ hàng ở gia đình dân tộc Dao chỉ bằng 30% so với khả năng này ở gia đình dân tộc Chăm

Các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ cộng đồng

Tuổi của nam giới lại có ảnh hưởng nhất định đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ cộng đồng. Khi tuổi của nam giới tăng thêm 1 tuổi thì khả năng bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ cộng đồng giảm đi 0,9 lần

Có sự khác biệt nhất định về khả năng bình đẳng giới trong quyết định các quan hệ cộng đồng giữa nhóm gia đình dân tộc Dao và nhóm gia đình dân tộc Chăm.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Tóm lại Luận án đã nghiên cứu bình đẳng giới trong các quyết định của gia đình nhóm dân tộc Chăm và dân tộc Dao thông qua việc mô tả thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định của gia đình ở các lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực đời sống gia đình, các quan hệ họ hàng và các quan hệ cộng đồng. Kết quả của luận án trả lời cho câu hỏi về thực trạng như sau: Qua kết quả phân tích về thực

trạng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm cho thấy, việc quyết định trong lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực đời sống gia đình, các quan hệ họ hàng và cộng đồng ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số có xu hướng bình đẳng giới. Điều này được biểu hiện thông qua tỷ lệ cả phụ nữ và nam giới cùng quyết định các công việc gia đình chiếm đa số. Bên cạnh đó, trong một số gia đình, vẫn còn tình trạng chỉ nam giới hoặc chỉ phụ nữ là người quyết định nhiều hơn. Thực trạng này có thể do tác động của các yếu tố liên quan đến đặc điểm cá nhân, gia đình và cộng đồng được trình bày ở phía dưới.

Khi so sánh giữa nhóm gia đình dân tộc Chăm và dân tộc Dao cho thấy tỷ lệ cao hơn ở nhóm dân tộc Chăm cho rằng trong gia đình họ cả nam giới và phụ nữ là người quyết định chính các công việc như làm ăn kinh tế, mua sắm, đồ dùng, trang thiết bị/tài sản đất tiền, ma chay/cưới xin, các quan hệ họ hàng, và các quan hệ cộng đồng. Các công việc còn lại như vay vốn/vay mượn, chi tiêu hàng ngày, mua bán/xây sửa nhà, đất, giỗ, tết, và việc học của con cái thì tỷ lệ cả nam và nữ là người quyết định chính cao hơn ở nhóm dân tộc Dao. Đồng thời vẫn còn tồn tại các gia đình mà việc quyết định các công việc của gia đình vẫn nghiêng về một giới. Ở nhóm gia đình dân tộc Chăm, với các việc tâm linh truyền thống thì vai trò của phụ nữ cao hơn nhưng đối với các công việc thuộc khuôn mẫu phân công lao động truyền thống như làm ăn kinh tế thì vai trò của nam giới cao hơn. Ở gia đình dân tộc Dao, vai trò của nam giới hoàn toàn áp đảo so với vai trò của nữ giới.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm

Thứ nhất là, học vấn của phụ nữ có tác động rõ nét đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định chi tiêu lớn ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm. Cụ thể, khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay vốn/vay mượn ở gia đình dân tộc Chăm và Dao thuận chiều với trình độ học vấn của phụ nữ.

Thứ hai là, có một xu hướng rõ ràng rằng khi nam giới càng trẻ thì khả năng bình đẳng giới trong quyết định các công việc vay vốn/vay mượn của gia đình càng tăng. Ngược lại, khả năng bình đẳng giới trong quyết định công việc vay vốn/vay mượn ở gia đình tỉ lệ thuận với độ tuổi của người phụ nữ.

Thứ ba là, nghề nghiệp của nam giới có mối quan hệ chặt chẽ với khả năng bình đẳng giới trong quyết định chi tiêu lớn ở gia đình dân tộc thiểu số. Việc quyết định các công việc chi tiêu lớn ở gia đình nhóm nam giới làm nghề nghiệp phi nông nghiệp có xu hướng bình đẳng giới hơn so với nhóm gia đình nam giới làm nông nghiệp.

Như vậy, các giả thuyết thực nghiệm rút ra từ lý thuyết hiện đại hóa đã được xác nhận trong nghiên cứu này. Việc quyết định công việc ở nhóm gia đình nam giới có độ tuổi dưới 40 tuổi, làm nghề nghiệp phi nông nghiệp và nhóm gia đình nữ giới có học vấn trung học cơ sở trở lên có xu hướng bình đẳng giới hơn các nhóm gia đình khác.

Thứ tư là, không có sự khác biệt đáng kể nào về khả năng bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh tế giữa gia đình dân tộc Chăm và dân tộc Dao.

Thứ năm là, việc tham gia tập huấn về bình đẳng giới có ảnh hưởng không giống nhau đến khả năng bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực kinh tế của gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm. Khả năng bình đẳng giới trong quyết định làm ăn kinh tế ở nhóm gia đình có nam giới/phụ nữ chưa từng tham gia tập huấn về bình đẳng giới chỉ bằng 50% so với nhóm so sánh. Việc tham gia tập huấn về bình đẳng giới không có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay vốn, vay mượn và chi tiêu lớn ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực đời sống gia đình và các quan hệ cộng đồng, họ hàng ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm

Một là, tuổi của nam giới được xác nhận là có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định việc tổ chức ma chay/cưới xin. Khả năng bình đẳng giới trong quyết định việc tổ chức ma chay/cưới xin tỉ lệ nghịch với tuổi của nam giới. Càng ở những gia đình nam giới trẻ tuổi, quyền quyết định giữa nam giới và phụ nữ trong việc học tổ chức ma chay/cưới xin càng bình đẳng giới hơn. Có lẽ những người lớn tuổi có khả năng bảo lưu nhiều hơn các giá trị truyền thống về quan hệ giới không hoàn toàn phù hợp với các giá trị hiện tại, chẳng hạn đánh giá thấp vai trò của phụ nữ, coi phụ nữ phải phụ thuộc vào chồng.

Các biến số nghề nghiệp của nam giới/phụ nữ và học vấn của nam giới/phụ nữ tuổi của phụ nữ lại không làm tăng hay giảm đáng kể đến khả năng bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực đời sống gia đình, các quan hệ họ hàng và các

quan hệ cộng đồng. Có thể thấy, các quan điểm của lý thuyết hiện đại hóa chưa được xác nhận hoàn toàn trong nghiên cứu này

Hai là, kết quả phân tích khẳng định sự ảnh hưởng của biến số liên quan đến gia đình như mức sống hộ gia đình có ảnh hưởng không đáng kể đến bình đẳng giới trong các quyết định liên quan đến đời sống gia đình, các quan hệ họ hàng và quan hệ cộng đồng.

Ba là, sự khác biệt về khả năng bình đẳng giới giữa gia đình dân tộc Dao và gia đình dân tộc Chăm được thể hiện rõ nhất là trong quyết định việc tổ chức ma chay, cưới xin. Khả năng bình đẳng giới trong quyết định việc ma chay/cưới xin ở gia đình nhóm dân tộc Dao chỉ bằng 20% khả năng này ở nhóm gia đình dân tộc Chăm. Có thể thấy, việc quyết định việc ma chay/cưới xin ở nhóm gia đình dân tộc Chăm bình đẳng hơn so với nhóm gia đình dân tộc Dao.

Năm là, không có bất cứ sự ảnh hưởng nào của yếu tố tham gia tập huấn về bình đẳng giới đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định các công việc liên quan đến lĩnh vực đời sống gia đình, các quan hệ họ hàng và quan hệ cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao và dân tộc Chăm.

Về cơ bản những phân tích trong luận án đã bước đầu đã trả lời được các câu hỏi nghiên cứu và khẳng định các giả thuyết đưa ra. Bên cạnh đó, kết quả của luận án cũng cho thấy các giả thuyết rút ra từ cách tiếp cận theo lý thuyết hiện đại hóa đã được xác nhận trong nghiên cứu này. Điều này gợi ra rằng, khi điều kiện sống khó khăn (nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn) và các dấu ấn văn hóa của các nhóm dân tộc vẫn còn đậm nét thì các yếu tố đặc trưng cho hiện đại hóa sẽ giảm khả năng ảnh hưởng đến bình

đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh của gia đình nhóm dân tộc Chăm và dân tộc Dao, những khác biệt về vị thế kinh tế và vị thế xã hội giữa nam và nữ chưa thực sự tạo được nhiều sự khác biệt về khả năng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình. Việc tham gia các buổi tập huấn về bình đẳng giới làm tăng khả năng bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số. Như vậy, hoạt động truyền thông góp phần làm thay đổi nhận thức của nam giới/phụ nữ về vai trò giới trong gia đình.

5.2. Khuyến nghị

Khuyến nghị về các biện pháp can thiệp làm tăng khả năng bình đẳng giới trong các quyết định của gia đình

Xu hướng chung ở phần lớn các gia đình là việc quyết định các công việc của gia đình do cả nam và nữ cùng quyết định. Tuy nhiên ở các gia đình dân tộc thiểu số mà đặc biệt là nhóm sống ở khu vực miền núi cao thì việc tiến tới bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình sẽ chậm chạp hơn. Cụ thể như đối với nhóm dân tộc Dao tại Lạng Sơn do sống ở khu vực núi cao, giao thông đi lại khó khăn, cộng với mù chữ và các luật tục còn tồn tại đã khiến cho người phụ nữ dân tộc Dao tách biệt xã hội hơn so với nam giới. Có lẽ, để đạt được mục tiêu bình đẳng giới ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số ngoài việc tăng cường hoạt động truyền thông nhằm thay đổi các khuôn mẫu giới và chuẩn mực giới truyền thống về vai trò trụ cột và quyền ra quyết định của nam giới hướng đến sự cân bằng và bình đẳng trong gia đình thì cần phát triển cơ sở hạ tầng, tiếp tục xây dựng và mở rộng đường sá.

Kết quả định lượng cho thấy được học vấn của nữ có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay

vốn/vay mượn của gia đình. Đồng thời thông qua các dữ liệu định tính cũng cho thấy do hạn chế về học vấn nên phụ nữ không chủ động tham gia vào quá trình quyết định của gia đình. Vì vậy, việc tiếp tục nâng cao học vấn cho nữ là điều vô cùng cần thiết để giúp người phụ nữ có nhiều cơ hội được tham gia vào quá trình ra quyết định của gia đình.

Việc nữ/cả nam và nữ là người đứng tên sở hữu nhà đất làm tăng khả năng bình đẳng giới trong quyết định vay vốn/vay mượn của gia đình. Điều này cho thấy quy định phải ghi tên của cả hai vợ chồng trên tài sản chung đã có những tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy bình đẳng giới. Vì vậy, việc khuyến khích, động viên người dân chuyển tên quyền sử dụng nhà/đất là tài sản chung của vợ chồng từ chỉ nam/nữ là người đứng tên sang để cả hai vợ chồng cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà/đất cần tiếp tục được đẩy mạnh hơn nữa.

So với nhóm gia đình ở độ tuổi trẻ thì khả năng bình đẳng giới trong quyết định gia đình ở nhóm 40 tuổi trở lên còn hạn chế hơn. Do đó để hướng đến thay đổi nhận thức của nhóm này cần có các chương trình can thiệp như truyền thông và tập huấn về bình đẳng giới. Điểm đáng lưu ý ở đây là nhóm người dân tộc Dao từ 40 tuổi trở lên hầu như mù chữ/tái mù chữ. Nên việc truyền thông và tập huấn đến nhóm đối tượng này cần sử dụng các ấn phẩm và các hoạt động trực quan sinh động giúp người dân nắm được thông tin nhanh hơn. Bên cạnh đó, do người dân tộc Dao sống ở khu vực núi cao, khoảng cách từ nhà đến trụ sở ủy ban cũng như nhà văn hóa thôn khá xa, phần lớn người phụ nữ ở độ tuổi này không biết đi xe máy vì vậy cần có các phương án tuyên truyền và tập huấn bình đẳng giới lưu động.

Khuyến nghị về hướng nghiên cứu tiếp theo về chủ đề bình đẳng giới trong các quyết định ở gia đình

Cần có nghiên cứu sâu hơn về quá trình ra quyết định ở gia đình nhóm dân tộc thiểu số để có được thông tin đầy đủ hơn về lý do và các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong gia đình nhóm dân tộc thiểu số.

Trong bối cảnh công nghệ 4.0, công nghệ thông tin đã ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong đời sống gia đình. Hầu như vai trò của yếu tố này chưa được đo lường vì vậy cần được quan tâm hơn trong những nghiên cứu sắp tới về chủ đề này.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Thanh Loan (2020), “Quyền quyết định giữa vợ và chồng trong một số hoạt động mua sắm của gia đình dân tộc Chăm (Ninh Thuận) và Dao (Lạng Sơn)”, *Thực hiện bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 276-294.
2. Trần Thị Thanh Loan (2020), “The elements affect the join of wives in making decision in production/business at Cham people’s families (Ninh Thuan province) today”, *2020 international conference proceedings: Gender roles in the modern family*, Hanoi Youth Publishing House, pp.145-157.
3. Trần Thị Thanh Loan (2021), “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người vợ trong quyết định làm ăn kinh tế ở gia đình dân tộc Chăm (Ninh Thuận) hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới* (3), tr.28-40.
4. Trần Thị Thanh Loan (2021), “Thực trạng bình đẳng giới trong các quyết định về hoạt động cộng đồng ở gia đình dân tộc Dao - Lạng Sơn”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới* (4), tr.61-72.
5. Trần Thị Thanh Loan (2021), “Decision-making right of husband and wife over family expenditures among Cham ethnic group in Ninh Thuan and Dao ethnic group in Lang Son, Viet Nam”, *RC06-VSA International conference The family in Modern and Gobal Societies: Persistence and Change – Lens from Vietnam*, Knowledge Publishing House, pp. 244-263.
6. Trần Thị Thanh Loan (2022), “Gender equality in decision – making power in property division in Cham (Ninh Thuan) and Dzao (Lang Son) families in Viet Nam”. *The first international conference on the issues of social sciences and humanities University of Social Sciences and Humanities*, Hanoi National University Publishing House, pp. 888-908.